TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **698 /**2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 771/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Cái Quang M, sinh năm 1971; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13 Nguyễn T, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13 Nguyễn T, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cái Quang M và chị Nguyễn Thị Minh C qua thời gian tìm hiểu nhau thì có đi đến hôn nhân, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 1997 tại Uỷ ban nhân dân phường X, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, tuy nhiên hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cái Minh Xuân Q, sinh ngày 15/10/1997 và Cái Minh C, sinh ngày 28/3/2002. Các con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Chị C tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006574 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Anh Cái Quang M và chị Nguyễn Thi Minh C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cái Minh Xuân Q, sinh ngày 15/10/1997 và Cái Minh C, sinh ngày 28/3/2002. Các con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Về Án phí: Án phí thuận tình ly hôn chị Nguyễn Thị Minh C tự nguyện chịu toàn bộ án phí 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006574 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Xuân Phú, thành phố Huế,
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng